



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 46/2023

(07/11/2023 – 13/11/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, thị trường đang theo xu hướng tăng nhẹ trở lại, hiện chỉ số BDI đóng cửa ở mức 1.655 điểm (tăng 132 điểm). Phân khúc Capesize đã trở lại và dẫn đầu với chỉ số tăng 17%. Các phân khúc còn lại: Panamax tăng 5%, Supramax tăng 2%, Ultramax gần 1%, riêng chỉ số thuê tàu Handysize đã giảm 6 phiên liên tiếp - bốc hơi tổng cộng 13,5%. Đối với thị trường mua bán tàu đã qua sử dụng, nếu như tuần trước chỉ ghi nhận đa số tàu đóng Trung Quốc, thì tuần này lượng tàu đóng Nhật lại chiếm áp đảo. Các giao dịch cũng vô cùng sôi động với gần 30 tàu - gấp đôi so với tuần trước. Hiện nay người Mua đang khá quan tâm hai phân khúc tàu Capesize (do hoạt động chở than đang tăng cường vì nhu cầu dự trữ cuối năm) và Handysize. Ở phân khúc Supramax, chủ Hy Lạp vừa bán thành công tàu **New Lotus** (52.416 dwt, đóng 2001 Nhật, DD 07/2024, SS 02/2026) với giá khoảng 6,7 triệu đô la Mỹ. Mức giá này cũng khá hợp lý nếu so sánh với tàu trẻ hơn 2 tuổi **Star Zeta** (52.994 dwt, đóng 2003 Nhật, DD/SS 11/2023) bán cách đây 1 tháng với giá khoảng 8 triệu đô la Mỹ. Tàu Supramax trẻ hơn là **Ocean Destiny** (58.786 dwt, đóng 2008 Nhật, DD 12/2024, SS 11/2026) vừa được chủ tàu Thổ Nhĩ Kỳ chốt với giá khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ. Mức này khá tốt cho người Bán do tàu chưa lắp hệ thống xử lý nước dằn và có máy chính Wartsila. Hai tuần trước tàu tương tự nhưng trọng tải nhỏ hơn, già hơn 3 tuổi là **Freedom Line** (56.056 dwt, đóng 2005 Nhật, DD/SS 12/2024) được chủ tàu Hy Lạp bán thành công với giá khoảng 11,25 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, tàu **Lake Dany** (28.358 dwt, đóng 2008 Nhật, chở được gỗ, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 06/2025) được chủ tàu Nhật chốt giao ngay cho người Mua Hy Lạp với giá khoảng 8,5 triệu đô la Mỹ. Giá này tương tự tàu **Valor SW** (29.818 dwt, đóng 2008 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 10/2025, SS 12/2027) bán cho người Mua Li-băng nửa tháng trước cũng khoảng 8,45 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, kể từ đầu tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) giảm xuyên suốt, song mức giảm tương đối nhẹ chỉ khoảng 1%/ngày còn chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) cũng giảm nhưng chưa đáng kể (khoảng 1-2 điểm/phiên). Ở mảng mua bán, nhìn chung giá bán tàu đã ngừng tăng thêm do cước thuê mùa này không ổn định, số lượng tàu đang chào bán ra thị trường lại khá nhiều và cạnh tranh. Hầu hết các thương vụ gần đây giá bán tàu đều chỉ ở mức tham chiếu hoặc mềm hơn một chút. Ở phân khúc MR, tuần qua tàu chemical **Falcon Sextant** (50.994 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, DD/SS 09/2024) và tàu chemical **MR Tigris** (49.999 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 02/2024) bán với giá lần lượt khoảng 25,75 triệu đô la Mỹ và 26 triệu đô la Mỹ. Mức này có thể thấy là khá hợp lý cho người Mua nếu so sánh với tàu có trọng tải nhỏ hơn một chút **UOG Helios** (46.093 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 03/2025, SS 04/2024) về tay người Mua Hy Lạp cách đây 1 tháng với giá cũng khoảng 25,5 triệu đô la Mỹ. Đối với tàu stainless steel, cặp tàu chemical **Monax** và **Marmotas** (20.000 dwt, đóng 2005 Nhật, DD/SS 02-07/2025) được bán với giá khoảng 13,5 triệu đô la Mỹ/tàu. Giá trên hiện đang là mặt bằng chung cho các tàu tương tự.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<i>BULKERS / GENERAL CARGOES</i>						
Bao An	2008	Japan	229,117	Undisclosed	Singaporean	Old sale 10/2023, Ore carrier, DD 10/2024, SS 10/2026
Star Venture	2005	Japan	206,296	Undisclosed	Singaporean	Old sale 10/2023, DD/SS 10/2025
Agis	2003	Japan	181,500	67.50	Uk-based	DD 09/2026, SS 09/2028
True Cartier	2014	Japan	181,380	37.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 07/2024
Chow	2016	Korea	181,146	43.10	Genco	BWTS and scrubber fitted, DD 11/2024, SS 09/2026
Ap Lovrijenac	2024	China	82,000	37.625	Undisclosed	Newbuilding resale (original contract was US\$34.25), dely 01/2024, BV class
Thor	2005	Japan	76,838	11.80	Ripley Shipping	BWTS fitted, DD/SS 01/2025
Sea Taurus	2004	Japan	76,616	Undisclosed	Turkish	Old sale, BWTS fitted, DD/SS 11/2024
Peace Pearl	2013	China	76,431	15.60	Greek	Incl TC at 9,5k/pd until 02/2024, BWTS fitted, DD/SS 07/2028
Magic Moon	2005	Japan	76,602	11.80	Turkish	DD 07/2025, SS 08/2025
Lowlands Mimosa	2018	Tsuneishi Cebu, Philippines	63,939	25.50	Undisclosed	Fire damage 2/2022 and repairs were completed 03/2023, BWTS fitted, tier III, DD 06/2026, SS 09/2028
Ocean Destiny	2008	Japan	58,786	13.80	Undisclosed	M/E Wartsila, DD 12/2024, SS 11/2026, Turkish owners
Royal Knight	2013	Japan	58,721	19.50	Greek, Navitramp	BWTS fitted, DD 09/2025, SS 01/2028
Haut Brion	2011	China	57,075	12.50	Undisclosed	DD 10/2024, SS 12/2026, Chinese owners
Tomorrow	2013	Japan	56,025	Undisclosed	Chinese	BWTS fitted, DD 07/2024, SS 05/2026
Pride	2006	Japan	55,705	11.30	Chinese	BWTS fitted, DD 04/2024, SS 01/2026
Nippon Maru	2011	Japan	55,581	17.30	Greek	BWTS fitted, DD 07/2025, SS 10/2025
Star Theta	2003	Tsuneishi Cebu, Philippines	52,425	8.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS passed 10/2023, Greek owners
New Lotus	2001	Japan	52,416	6.70	Undisclosed	DD 07/2024, SS 02/2026, Greek owners
Abdul M	1998	Japan	46,570	Undisclosed	Turkish	Old sale, M/E Sulzer, DD due 10/2023, SS 10/2025

Iris Harmony	2019	Tsuneishi Cebu, Philippines	38,593	26.00	Undisclosed	Fw dely 03-05/2024, OHBS, log-fitted, DD/SS 02/2024
Aprilia	2017	China	36,193	20.20	Greek	BWTS fitted, DD 12/2024, SS 01/2027, Greek owners
Ria	2012	Korea	34,039	14.20	Greek	DD 05/2025, SS 03/2027
Atlantic Ruby	2012	Japan	33,680	14.00	Undisclosed	DD 01/2025, SS 02/2027
African Ibis	2004	Japan	32,347	8.60	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 07/2024
Hinase	2011	Japan	28,386	Undisclosed	Undisclosed	DD 10/2024, SS 09/2026
Lake Dany	2008	Japan	28,358	8.50	Greek	Ppt dely in China, BWTS fitted, log-fitted, DD/SS 06/2025
Crystal Sea	2008	Japan	8,810	4.20	European	Old sale, log-fitted, BWTS fitted, DR 2X30T, CR 2X30,7T, DD 07/2024, SS 04/2026
TANKERS						
Nectar	2008	China	307,284	Undisclosed	Undisclosed	Purchase obligation declared, DD 06/2025, SS 01/2028
Silver	2010	Japan	107,507	Undisclosed	Azerbaijan Caspian Shipping	BWTS fitted, DD/SS 07/2025
Torm Estrid	2004	Korea	74,999	20.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 01/2026
Torm Ismini	2004	Korea	74,999	20.00		BWTS fitted & scrubber fitted, DD/SS 06/2026
Falcon Sextant	2009	Korea	50,994	25.75	Undisclosed	Chemical IMO II/III, epoxy coated, DD/SS 09/2024
MR Tigris	2009	Korea	49,999	26.00	Indian	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS 02/2024
Monax	2005	Japan	20,762	13.50	Norwegian	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 07/2025
Marmotas	2005	Japan	19,953	13.50		BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 02/2025
Enford	2012	China	16,886	14.00	Seacon Shipping	Incl TC back 1-2 years to Sellers at 16,250/pd, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 11/2025, SS 06/2027, UK-based owners
Kenrick	2012	China	16,788	14.00		Incl TC back 1-2 years to Sellers at 16,250/pd, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 11/2025, SS 06/2027, UK-based owners

Rayana	2009	Romania	14,958	Undisclosed	Undisclosed	BWTS due 04/2023, ice class 1A, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 11/2024, SS 11/2026
CONTAINERS						
Independent Quest	2005	Poland	41,743	Undisclosed	Undisclosed	3091 teu, BWTS fitted, DD/SS 07/2025
AS Carlotta	2006	Germany	37,882	Undisclosed	Singaporean	2742 teu, ice class II, DD 08/2024, SS 07/2026
Mauren	2005	China	13,839	Undisclosed	Swedish	1118 teu, fully cellular, gearless, double hull, ice class II, DD/SS 04/2025, Greek owners
Asiatic Island	2007	Turkey	12,720	Undisclosed	Undisclosed	1147 teu, fully cellular, gearless, ice class 1C, DD 11/2025, SS 10/2027
OTHERS						
Seaspeed	2017	Korea	28,460	55.70	Turkish, Manta Shipping	LPG 37390 cbm, BWTS fitted, DD 08/2025, SS 06/2027
Nashwan	2008	Korea	16,922	Undisclosed	Undisclosed	Old sale, LPG 22143 cbm, DD 08/2026, SS 06/2028

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	11/ 2023	1M	3M	6M	12M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	65.00	3%	5%	-3%	13%	53.00
180k dwt	5 tuổi	49.00	3%	2%	-11%	3%	37.25
170k dwt	10 tuổi	30.00	2%	0%	-10%	-2%	26.25
150k dwt	15 tuổi	21.00	2%	11%	-3%	8%	16.75

PANAMAX

82k dwt	Resale	38.50	1%	0%	-6%	0%	33.75
82k dwt	5 tuổi	32.50	0%	2%	-6%	3%	26.75
76k dwt	10 tuổi	23.50	4%	7%	-8%	3%	18.00
74k dwt	15 tuổi	16.00	7%	14%	-9%	0%	12.00

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	37.00	3%	0%	-6%	-3%	31.50
58k dwt	5 tuổi	30.00	3%	0%	-6%	0%	21.75
56k dwt	10 tuổi	20.50	3%	5%	-7%	-6%	15.75
52k dwt	15 tuổi	14.25	2%	4%	-11%	-11%	11.25

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	33.00	0%	2%	0%	12%	25.75
37k dwt	5 tuổi	26.00	4%	4%	-4%	4%	19.25
32k dwt	10 tuổi	17.00	3%	0%	-10%	1%	12.75
28k dwt	15 tuổi	10.50	0%	-5%	-19%	-7%	8.00

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	10/ 2023	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	0%	6%	98.50
310k dwt	5 tuổi	98.50	0%	-2%	-2%	10%	74.00
250k dwt	10 tuổi	74.50	0%	0%	-3%	12%	51.00
250k dwt	15 tuổi	56.50	0%	-3%	-7%	19%	35.50

SUEZMAX

160k dwt	Resale	96.00	5%	7%	12%	20%	68.00
150k dwt	5 tuổi	78.50	7%	8%	14%	26%	51.00
150k dwt	10 tuổi	61.50	5%	5%	14%	35%	35.75
150k dwt	15 tuổi	39.50	5%	5%	14%	32%	21.75

AFRAMAX

110k dwt	Resale	84.00	6%	6%	7%	15%	55.50
110k dwt	5 tuổi	71.00	11%	11%	13%	23%	41.25
105k dwt	10 tuổi	55.50	8%	8%	10%	31%	28.75
105k dwt	15 tuổi	36.50	6%	6%	11%	30%	18.00

MR

52k dwt	Resale	52.00	2%	2%	2%	9%	39.75
52k dwt	5 tuổi	44.00	7%	9%	4%	11%	30.25
45k dwt	10 tuổi	33.50	6%	5%	-3%	18%	20.75
45k dwt	15 tuổi	24.50	0%	9%	0%	26%	13.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	158,000 dwt	85.25	2	Hyundai Samho	Arcadia Shipmanagement	Jun 2026	Price per unit
Tanker	75,000 dwt	Undisclosed	2	K Shipbuilding	International Seaways	Q1 2026	
Tanker	50,000 dwt	45.00	4	Yangzijiang	Global One Energy, Switzerland	2026 - 2027	Price per unit, product carriers
Bulker	64,000 dwt	Undisclosed	2	Japan shipyard	Undisclosed	SH 2026 – SH 2027	Intend BB charter to Belships ASA for 7-10 years with purchase options
Bulker	40,000 dwt	32.30	2	Namura	Taiwan Navigation	-	
PCTC	7,000 ceu	Mid 90.00	2	CIMC Raffles	A Norwegian Car Carriers	2025	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	11/2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.00%	0.78%	-0.76%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	0.00%	6.33%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	0.00%	2.70%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	33.0	0.00%	3.03%	6.25%	-1.45%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	11/2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	4.07%	6.67%
Suezmax (170.000 dwt)	85.5	0.00%	-0.58%	3.64%	4.27%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.73%	0.73%	3.76%	6.15%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	0.00%	3.26%	7.95%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua có dấu hiệu phục hồi. Thị trường Vịnh Hoa Kỳ tiếp tục tăng mạnh, trong khi đó Thái Bình Dương đang chạm đáy đón nhận tín hiệu tích cực đầu tiên sau hai tuần suy giảm. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.373 đô la Mỹ, tăng 262 đô la Mỹ (tương đương 2,16%) so với mức 12.111 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, tàu **Ping Hai** (62.623 dwt, đóng 2019) được chốt đi ngay từ Gò Gia qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ, cùng lúc Deyesion chốt tàu **Wolverine** (61.292 dwt, đóng 2015) đi ngay từ Bayuquan qua Úc đến Indonesia với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Trong khi đó ở Ấn Độ Dương, tàu **Arch Michael** (63.628 dwt, đóng 2015) được chốt đi từ Payra (09-10/11) qua Bờ Đông Ấn Độ đến Trung Quốc với giá khoảng 9.500 đô la Mỹ, tàu **Tristar Prosperity** (56.824 dwt, đóng 2012) được chốt chở thạch cao đi ngay từ Salalah đến Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ, tàu **Thor Future** (54.170 dwt, đóng 2006) được chốt đi ngay từ Mina Saqr đến Tây Phi với giá cũng khoảng 7.000 đô la Mỹ. Phía Đại Tây Dương, Ultrabulk chốt tàu **Nord Agano** (63.436 dwt, đóng 2020) chở hàng rời đi ngay từ Đèo Tây Nam đến Bờ Đông Mexico với giá khoảng 25.000 đô la Mỹ, cùng lúc có tin tàu **Lausanne** (60.696 dwt, đóng 2017) được đàm phán chở hàng rời từ Đèo Tây Nam (18-27/11) đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 33.000 đô la Mỹ.

Thị trường phân khúc **Handies** ở Thái Bình Dương tuần qua vẫn chưa có dấu hiệu khả quan hơn. Số lượng tàu chờ ở Đông Nam Á ngày càng tăng và cước tiếp tục giảm. Có nhận định cho rằng thị trường sẽ sớm nhận tín hiệu tích cực khi mà nhu cầu chở hàng mới sẽ tăng vào cuối tháng 11. Điều này có lẽ sẽ giúp vực dậy thị trường. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 10.697 đô la Mỹ, giảm 722 đô la Mỹ so với mức 11.409 đô la Mỹ của tuần trước. Ở khu vực Bắc Trung Quốc-Nhật Bản, thiếu nhu cầu vận tải ngày càng rõ ràng

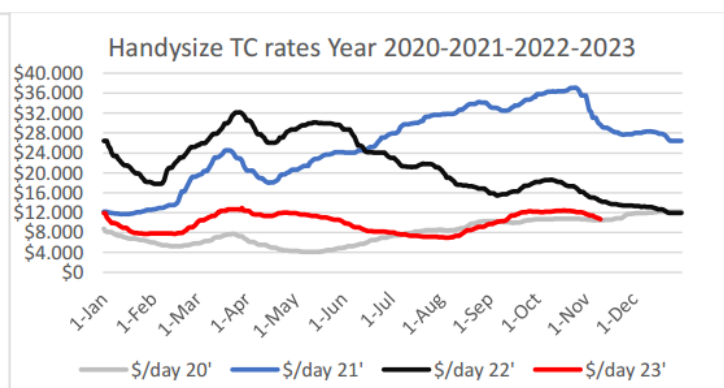
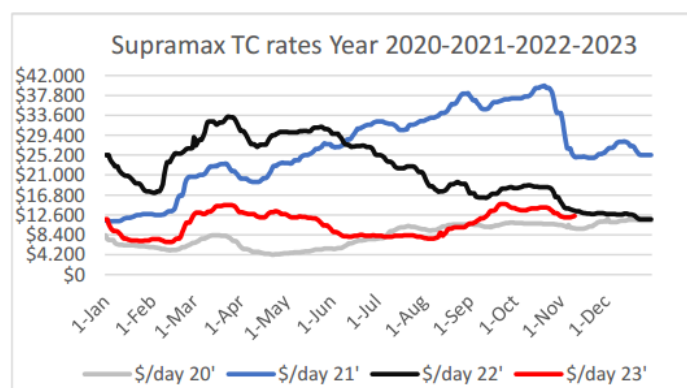
khiến cho cước tiếp tục giảm. Có tin tàu **Obrovac** (34.444 dwt, đóng 2010) neo ở Singapore được chốt chở nhôm từ Kijang đến Samalaju với giá khoảng 7.000 đô la Mỹ. Thêm tin tàu **Atila** (37.913 dwt, đóng 2011) neo ở Port Kelang được Cargill chốt qua Singapore và Úc, sau đó đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 6,750 đô la Mỹ, tuy nhiên có nguồn tin khác ghi nhận cước khoảng 7.850 đô la Mỹ. Có tin tàu **Rin Treasure** (28.338 dwt, đóng 2009) neo ở Kuching (13-14/11) được đàm phán đến Bắc Trung Quốc với giá khoảng 7.250 đô la Mỹ, hiện vẫn chưa có thông tin chi tiết thương vụ. Đúng như dự đoán, thị trường ở Đại Tây Dương khá yên tĩnh suốt tuần qua. Vịnh Hoa Kỳ/Bờ Đông Nam Mỹ, thị trường vẫn đang duy trì mức ổn định, tuy nhiên các khu vực khác không khả quan như vậy. Phía Continent, Norden chốt một tàu khoảng 34.000 dwt chở hàng rời từ Rouen đến Morocco với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ. Phía Địa Trung Hải, một tàu giao ngay khoảng 37.000 dwt được chốt chở khoáng sản với giá khoảng 7.500 đô la Mỹ cho chuyến đi từ Milos Island đến Antwerp, tương tự có một tàu khoảng 28.000 dwt được chốt khoảng 7.500 đô la Mỹ cho chuyến chở hàng rời từ Canakkale qua Biển Đen đến Morocco. Cước ở Nam Đại Tây Dương vẫn đang giảm, có tin một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt chạy ballast đến Bắc Brazil, chở hàng đến Tây Địa Trung Hải với giá khoảng 13.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 46/2023 vừa qua:

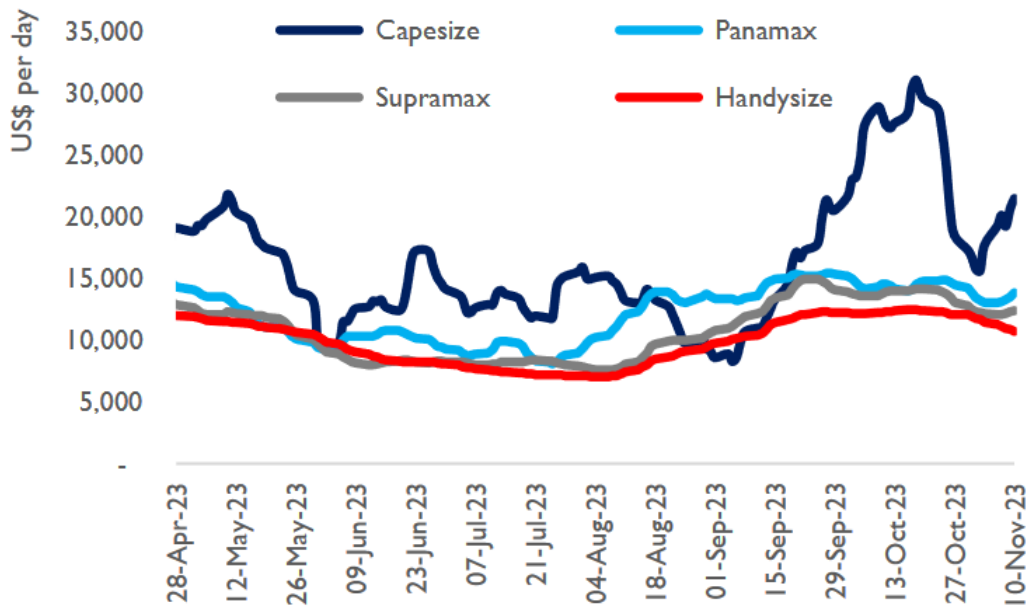
RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 46/2023	TUẦN 45/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 46)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 46)
TRANSATLANTIC RV	14,790	14,280	4,830	17,615
TCT CONT/F.EAST	22,318	21,973	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	4,678	4,923	2,501	9,260
TCT F.EAST RV	11,425	12,017	6,525	14,904
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	19,256	17,614	6,630	19,256
PACIFIC RV	8,038	8,125	5,056	13,310
TCT CONT/F.EAST	19,671	20,667	9,933	25,592

GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 13/11/2023

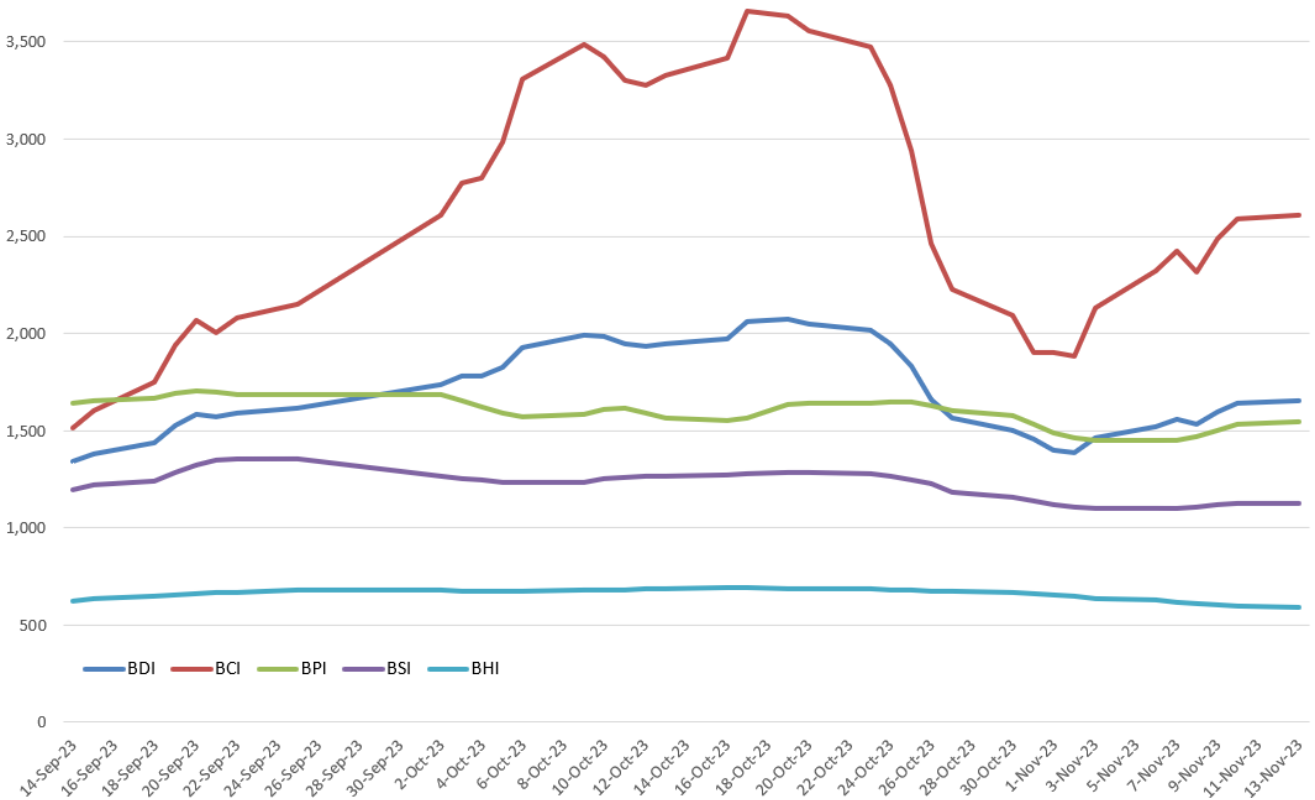
	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	12,373	▲	262
HANDIES 38K	10,697	▼	712



(so sánh với giá trị ngày 06/11/2023)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô Mỹ WTI giao dịch ở ngưỡng 76,57 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,78%, trong khi giá Brent dừng lại ở mức 80,8 đô la Mỹ/thùng - giảm 0,77%. Giá dầu hôm nay giảm mặc dù nỗi lo ngại thâm hụt nguồn cung vẫn chưa dứt.

Trước đó, giá dầu có dấu hiệu đi lên khi Iraq lên tiếng ủng hộ việc cắt giảm dầu của Tổ chức Các nước Xuất khẩu dầu mỏ và đồng minh (OPEC+) trước thềm cuộc họp của nhóm này được dự kiến tổ chức vào ngày 26/11 tới đây. Bên cạnh đó, thông tin Ả Rập Xê-út sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng sang quý đầu năm 2024 do

“lo ngại nhu cầu của Trung Quốc và triển vọng vĩ mô” cũng hỗ trợ giá dầu. Nga cũng được cho là sẽ quyết định kéo dài các chương trình cắt giảm nguồn cung sau tháng 1/2024. Ngoài ra, các công ty năng lượng Mỹ đã giảm số giàn khoan hoạt động trong tuần thứ hai liên tiếp xuống mức thấp nhất kể từ tháng 1/2022. Nhìn chung, sự biến động mạnh của giá dầu trong tuần qua chịu sự chi phối bởi yếu tố nguồn cung và sự tăng - giảm của đồng đô la Mỹ.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p>Phân khúc tàu VLCC</p>	<p>Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc đã chứng kiến sự sụt giảm trong tuần vừa qua do nguồn hàng tại khu vực giảm đáng kể. Cước giảm khoảng 3 điểm xuống mức WS 68. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của tuần lễ Bahri, các hoạt động giao dịch trên thị trường trở nên trầm lắng hơn. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Tây Phi đi Trung Quốc đang được ký kết quanh mức WS 69.</p> <table border="1" data-bbox="491 618 1493 869"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Trung Quốc</td> <td>51.300</td> <td>47.150</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> <tr> <td>Trung Đông/USG</td> <td>10.900</td> <td>7.550</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	51.300	47.150	↓	Trung Đông/USG	10.900	7.550	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Trung Quốc	51.300	47.150	↓														
Trung Đông/USG	10.900	7.550	↓														
<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Nhìn chung, các chủ tàu Suezmax đã trải qua một tuần đáng thất vọng khi cước giảm hầu hết trên tất cả các tuyến. Tại khu vực Tây Phi, các đơn hàng trên thị trường đã giảm xuống mức tối thiểu. Cước trên tuyến Nigeria/UKC đã giảm 47 điểm xuống mức WS 111 và dự báo sẽ giảm thêm trong tuần này. Tại khu vực Địa Trung Hải, cước trên tuyến CPC/Med giảm khoảng 12 điểm so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 155.</p> <table border="1" data-bbox="491 1160 1493 1429"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>78.740</td> <td>45.200</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> <tr> <td>Biển Đen/ Địa Trung Hải</td> <td>87.000</td> <td>78.860</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	78.740	45.200	↓	Biển Đen/ Địa Trung Hải	87.000	78.860	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Tây Phi / Cont	78.740	45.200	↓														
Biển Đen/ Địa Trung Hải	87.000	78.860	↓														
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Mặc dù nguồn cung hàng hóa tại Trung Đông đã giảm xuống trong tuần vừa qua, nhưng cước tại khu vực vẫn được giữ ở mức ổn định do sự hỗ trợ mạnh mẽ từ thị trường Đại Tây Dương. Trong khi đó, tại khu vực Địa Trung Hải, cước trên tuyến Ceyhan/Lavera giảm mạnh 22 điểm so với tuần trước và hiện đang dao động quanh mức WS 240.</p> <table border="1" data-bbox="491 1686 1493 2004"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Singapore</td> <td>45.235</td> <td>46.950</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> <tr> <td>Caribs/USG</td> <td>77.750</td> <td>81.660</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> <tr> <td>Châu Á/Úc</td> <td>38.920</td> <td>38.200</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Singapore	45.235	46.950	↑	Caribs/USG	77.750	81.660	↑	Châu Á/Úc	38.920	38.200	↓
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Singapore	45.235	46.950	↑														
Caribs/USG	77.750	81.660	↑														
Châu Á/Úc	38.920	38.200	↓														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

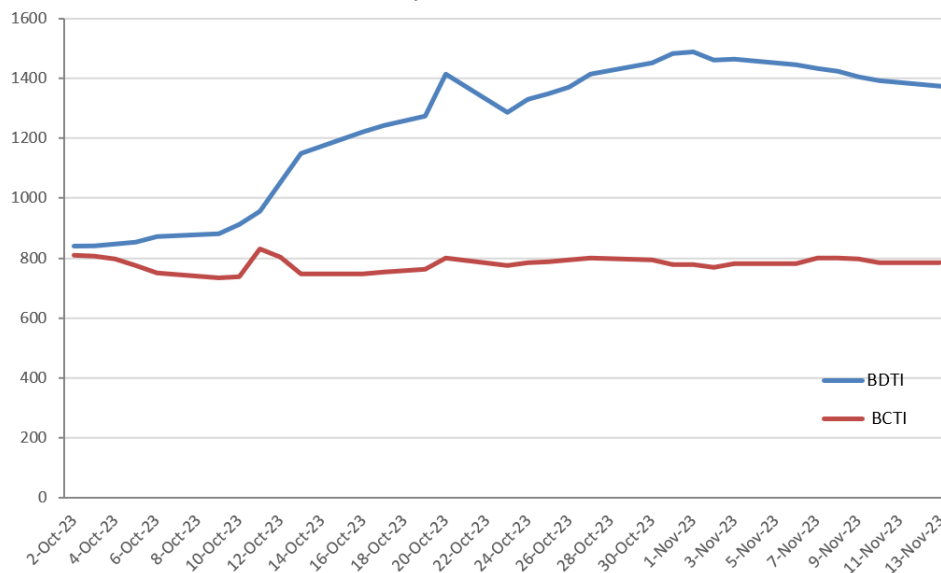
Đối với phân khúc **tàu MR**: theo đánh giá, đây không phải là một tuần quá ảm đạm cho các chủ tàu MR hoạt động tại khu vực Bắc Á. Theo ghi nhận, nguồn cung hàng hóa trên thị trường đang có bước cải thiện. Tuy nhiên, nguồn cung tàu tại khu vực đang ở mức khá cao khiến cho cước thị trường không có nhiều biến động. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Hàn Quốc/Singapore đang được ký kết quanh mức 560.000 đô la Mỹ. Tại khu vực Đông Nam Á, một danh sách tàu khá dài đang chờ đợi trong bối cảnh nguồn cung hàng nhỏ giọt. Cước trên tuyến Singapore/Đông Úc đang được ký kết quanh mức 14.000 đô la Mỹ/ngày. Theo dự báo, thị trường sẽ không có nhiều cải thiện được diễn ra trong tuần này. Tại khu vực UKC, các chủ tàu đã có một sự khởi đầu khá suôn sẻ với cước trên tuyến Cont/USAC tăng lên mức WS 215 vào thời điểm đầu tuần, sau giảm nhẹ xuống mức WS 210 – tương đương với khoảng 26.600 đô la Mỹ/ngày. Tại thị trường USG, các giao dịch diễn ra một cách sôi động trong nửa tuần đầu tiên cho đến thứ năm. Nhìn chung, nguồn cung tàu tại khu vực đang được thắt chặt.

Đối với phân khúc **tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Theo ghi nhận, các giao dịch đi khu vực phía Bắc diễn ra khá yên tĩnh trong tuần vừa qua, chỉ khoảng 2-3 giao dịch được báo cáo trong tuần. Tuy nhiên, cước đã có dấu hiệu tăng nhẹ. Đơn cử, cước chở 10.000 tấn BTX đi Trung Quốc đang được ký kết quanh mức 34-35 đô la Mỹ/tấn, tăng từ mức 27-28 đô la Mỹ/tấn trong thời gian trước đó. Tại khu vực Viễn Đông và các giao dịch đi hướng phía Nam, khối lượng hàng hóa có chiều hướng gia tăng do ảnh hưởng của thị trường mùa đông. Ghi nhận các giao dịch trên thị trường có phần tăng lên giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Đối với hàng dầu cò đi Ấn Độ, xu hướng thị trường vẫn diễn ra tương đối ổn định. Theo ghi nhận, có nhiều đơn hàng trong tháng 11 vẫn chưa được ký kết do lịch tàu không phù hợp. Tại khu vực Trung Đông, do ảnh hưởng của lễ hội Diwali, các giao dịch trên thị trường đang ở mức hạn chế. Ngoài ra, sự sụt giảm của thị trường cũng tác động bởi giá hóa chất giảm. Nhìn chung, thị trường không có nhiều thay đổi, mặc dù cước vẫn đang được giữ ổn định song ở mức khá thấp.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 46			Giá thuê tàu định hạn tuần 45		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	47,500	44,000	40,000	47,000	43,500	39,500
SUEZMAX	44,000	37,000	33,000	44,000	37,500	33,500
AFRAMAX	43,000	37,000	32,000	43,000	37,000	32,000
LR-2	42,500	37,000	31,500	42,000	36,500	31,000
LR-1	33,500	28,500	25,000	33,000	28,000	25,000
MR	29,500	24,500	22,000	29,500	24,500	22,000
HANDY	26,000	19,000	16,000	26,000	19,000	16,500

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	India	510		530		550	
2	Bangladesh	505		525		545	
3	Pakistan	500		520		540	
4	Turkey	310	▲ 10	320	▲ 10	330	▲ 10

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 46/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Wu Yang Goddess	Bulker	1995	7,841	Undisclosed	480.00	45,700	As is China
MSC Chiara	Container	1987	14,305	India	535.00	41,815	HKC green recycling, 350 tons bunkers included
Bontrup Maldives	MPP	1984	10,820	India	547.00	42,913	HKC green recycling, 350 tons bunkers included
Gas Dollart	LPG	1990	2,491	India	700.00	4,998	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.